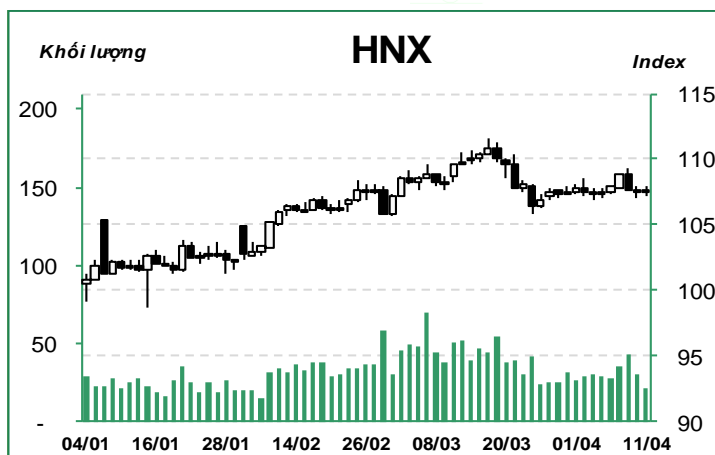
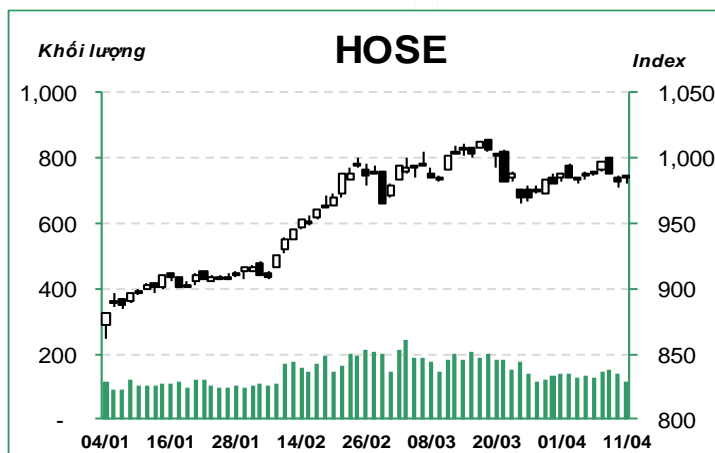


Tổng quan thị trường

| 11/04/2019 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 985.95 | 0.41% | 896.04 | 0.32% | 107.57 | 0.13% |
| Cuối tuần trước | 989.26 | -0.33% | 904.69 | -0.96% | 107.87 | -0.28% |
| Trung bình 20 ngày | 985.99 | 0.00% | 906.95 | -1.20% | 107.81 | -0.22% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 129.48 | -19.03% | 29.94 | -36.64% | 22.35 | -32.75% |
| KLGD khớp lệnh | 117.59 | -13.85% | 24.75 | -28.55% | 21.18 | -31.02% |
| Trung bình 20 ngày | 145.47 | -19.17% | 46.22 | -46.45% | 32.21 | -34.24% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 2,614.36 | -25.14% | 1,203.02 | -28.84% | 304.10 | -33.34% |
| GTGD khớp lệnh | 2,305.46 | -19.87% | 1,038.77 | -25.86% | 255.78 | -35.50% |
| Trung bình 20 ngày | 3,037.76 | -13.94% | 1,656.01 | -27.35% | 420.85 | -27.74% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 161 | 47% | 13 | 43% | 73 | 19% |
| Số mã giảm | 138 | 40% | 12 | 40% | 70 | 19% |
| Số mã đứng giá | 47 | 14% | 5 | 17% | 235 | 62% |



Thị trường có diễn biến tích cực trở lại sau hai phiên điều chỉnh, qua đó, dưới áp lực giằng co chặt giữa lực bán và lực mua, thị trường đã có sự phân hóa và dao động trong biên độ hẹp. Tuy nhiên, thanh khoản lại tiếp tục suy giảm trầm trọng cho thấy nhà đầu tư tỏ ra thận trọng khi thị trường chưa thể hiện xu hướng rõ ràng, bên cạnh đó, khối ngoại cũng quay lại bán ròng tạo thêm áp lực tâm lý cho nhà đầu tư. Trong phiên giao dịch buổi sáng, thị trường mở cửa sát mốc tham chiếu khi nhà đầu tư do dự và chưa vội bắt đáy vào lúc này. Lực bán và lực mua tỏ ra cân bằng khiến chỉ số liên tục đảo chiều quanh mốc tham chiếu. Lực cầu gia tăng nhẹ vào cuối phiên đã giúp cả hai chỉ số đóng cửa trong sắc xanh.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 985.95 điểm (+0.41%), với KLGD khớp lệnh đạt 117.6 triệu cổ phiếu (-13.9%), tương đương 2,305 tỷ đồng giá trị (-19.9%).

Nhóm Bất động sản dẫn đầu đà tăng của thị trường khi hai cổ phiếu Vingroup là VIC (+2.9%), Vinhomes-VHM (+1.1%) tăng mạnh và là tác chính chủ yếu cho sắc xanh của thị trường. Bên cạnh đó, đà tăng từ các cổ phiếu lớn của ngành thực phẩm như GTNFOODS-GTN (+6.9%), SABECO-SAB (+0.2%) hay VINAMILK-VNM (+0.2%) đã hỗ trợ tích cực cho diễn biến của HOSE trong phiên hôm nay. Nhóm Thủy sản tiếp tục tăng điểm tích cực, góp phần vào sắc xanh của thị trường, trong đó tiêu biểu là các cổ phiếu của Thủy sản Hùng Vương-HVG (+6.1%), Thủy sản CL An Giang-ACL (+5.7%) hay Thủy sản Vĩnh Hoàn-VHC (+1.5%). Ở chiều ngược lại, nhóm Ngân hàng tuy có sự phân hóa nhưng xu hướng chung vẫn là giảm điểm do áp lực điều chỉnh đến từ VPBank-VPB (-1.0%), Vietcombank-VCB (-0.6%) hay BIDV-BID (-0.1%).

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 70.4 tỷ đồng, lực bán tập trung vào các mã CTD (-73.4 tỷ), AAA (-

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| EIB | 3,760.0 | 65.43 |
| SAB | 121.0 | 29.77 |
| TMT | 2,800.0 | 29.68 |
| VNM | 170.0 | 23.07 |
| VHM | 210.0 | 19.34 |
| SSI | 558.8 | 15.31 |
| HPX | 404.7 | 10.12 |
| BWE | 302.5 | 7.79 |
| CTF | 300.0 | 7.05 |
| SMC | 350.0 | 5.62 |
| HNX | | |
| DL1 | 771.0 | 26.06 |
| HHC | 170.0 | 18.19 |
| DBC | 145.0 | 3.60 |
| L14 | 10.0 | 0.36 |
| DST | 46.1 | 0.07 |
| KLF | 20.0 | 0.04 |
| ACB | 0.1 | 0.00 |

51.3 tỷ), VJC (-30.5 tỷ), và mua ròng VHM (+30.9 tỷ), GAS (+19.8 tỷ), VNM (+12.4 tỷ) ở chiều ngược lại.

Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 107.57 điểm (+0.13%), với KLGD khớp lệnh đạt 21.2 triệu cổ phiếu (-31.0%), tương đương 255.8 tỷ đồng giá trị (-35.5%).

Nhóm Ngân hàng dẫn dắt đà tăng của thị trường khi cả ba cổ phiếu của Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+2.3%), SHB-SHB (+1.3%) và Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.3%) đều cùng tăng điểm trong phiên ngày hôm nay. Nhóm Xây dựng cũng có diễn biến tích cực khi Công ty Thống Nhất-BAX (+10.0%) và VINACONEX-VCG (+0.4%) dẫn đầu đà tăng. Bên cạnh đó, sắc xanh đến từ các cổ phiếu lớn như Điện miền Trung-SEB (+6.8%) thuộc nhóm Thủy điện, và Chứng khoán Đầu tư Việt Nam-IVS (+9.9%), Chứng khoán MB-MBS (+2.0%) đã góp phần và đà tăng chung của HNX-Index.

Khối ngoại thu hẹp đà mua ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 7.5 tỷ đồng (-70.6%), lực mua tập trung chủ yếu vào VGC (+5.9 tỷ), DGC (+1.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm xuống dưới mức bình 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang khá thận trọng. Không những vậy, chỉ số đang vận động trong biên độ hẹp quanh MA20, kèm theo chùm MA5,10,20 đang hội tụ, cho thấy chỉ số đang cho tín hiệu sideway giằng co và chưa có sự rõ ràng về xu hướng, chỉ số có thể đang vận động trong biên độ hẹp quanh vùng 980 – 1.000 điểm. Tuy nhiên, khi quan sát kĩ, chỉ số đang đóng cửa dưới MA5 và chỉ báo MACD vẫn đang ở dưới đường Signal cho thấy tín hiệu bán vẫn được duy trì, do đó, trong trường hợp, chỉ số phá vỡ ngưỡng hỗ trợ tâm lý 980 thì áp lực điều chỉnh sẽ gia tăng, chỉ số có thể sẽ chịu sức ép về vùng hỗ trợ quanh 960-965 điểm (đáy cũ tháng 3/2019). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có phiên tăng điểm trở lại. Chỉ số đang có sự vận động trong biên độ hẹp quanh hai đường MA20 và MA50. Trong trường hợp, chỉ số không giữ được trên vùng hỗ trợ 107.1 điểm (MA50), thì ngưỡng 105.4 điểm (MA100) có thể là ngưỡng hỗ trợ tiếp theo. Nhìn chung, thị trường đang giao dịch trong khá giằng co trong biên độ hẹp và chưa rõ ràng về xu hướng trong ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng danh mục ở mức cân bằng, nhằm tạo vị thế tốt nhất trước các biến động bất ngờ từ thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| DXV | 3.5 | 0.9 | 7.0% |
| NAV | 9.7 | 5.8 | 7.0% |
| AGF | 5.7 | 31.2 | 6.9% |
| EMC | 13.9 | 0.1 | 6.9% |
| PTC | 5.7 | 0.0 | 6.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| AAM | 14.5 | 30.7 | -18.5% |
| PPI | 0.9 | 801.4 | -7.0% |
| CLW | 21.4 | 0.0 | -7.0% |
| PXS | 5.5 | 490.5 | -6.9% |
| TDW | 29.9 | 0.0 | -6.7% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ROS | 31.5 | 245.9 | -2.0% |
| AAA | 18.9 | 148.8 | 2.2% |
| VJC | 113.9 | 126.0 | 0.9% |
| CTD | 121.7 | 120.5 | -0.1% |
| PVD | 19.2 | 56.5 | -2.8% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| AAA | 18.9 | 7,987.1 | 2.2% |
| ROS | 31.5 | 7,857.1 | -2.0% |
| HQC | 1.4 | 5,451.8 | 0.0% |
| FLC | 5.1 | 4,150.9 | -0.2% |
| ASM | 8.0 | 2,931.8 | 1.9% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| MAS | 49.5 | 0.5 | 10.0% |
| PSC | 14.3 | 1.3 | 10.0% |
| BAX | 40.7 | 7.6 | 10.0% |
| IVS | 11.1 | 0.1 | 9.9% |
| CLH | 20.0 | 0.2 | 9.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| BII | 0.7 | 189.3 | -12.5% |
| DIH | 22.7 | 4.6 | -9.9% |
| TJC | 6.4 | 0.1 | -9.9% |
| KTS | 17.5 | 3.7 | -9.8% |
| VLA | 12.0 | 0.4 | -9.8% |

Top 5 giá trị

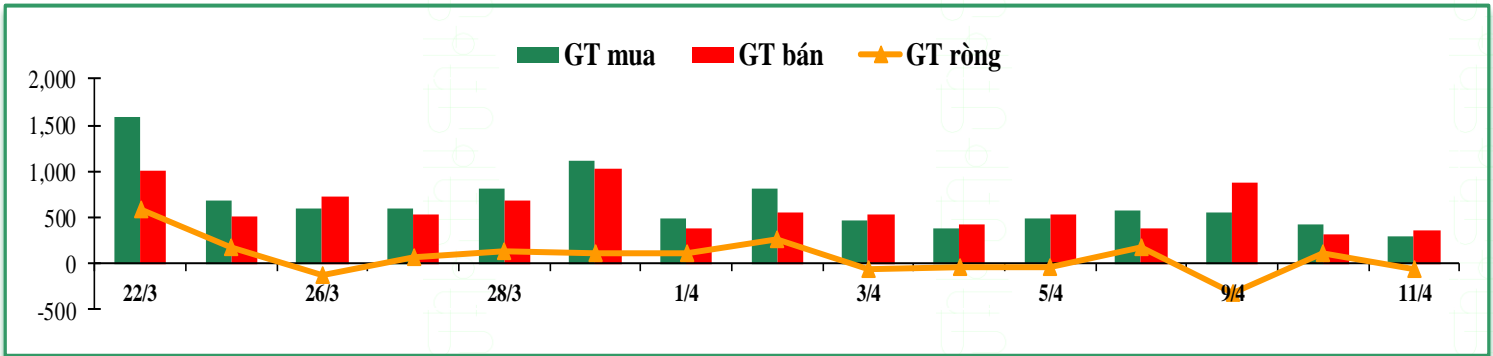
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS | 22.8 | 67.0 | -1.7% |
| ACB | 30.3 | 27.4 | 0.3% |
| TNG | 23.5 | 19.9 | 1.7% |
| VGC | 19.6 | 12.5 | 0.0% |
| SHB | 7.6 | 12.4 | 1.3% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PVS | 22.8 | 2,905.8 | -1.7% |
| ART | 3.2 | 2,405.7 | 0.0% |
| SHB | 7.6 | 1,650.9 | 1.3% |
| HUT | 3.8 | 1,273.6 | -2.6% |
| KLF | 1.7 | 1,017.1 | 0.0% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| HOSE | 291.1 | 12.6% | 361.5 | 15.7% | -70.4 |
| HNX | 8.8 | 3.4% | 1.3 | 0.5% | 7.5 |
| Tổng số | 299.8 | | 362.7 | | -62.9 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM | 135.6 | 60.3 | 0.2% |
| SAB | 247.5 | 38.5 | 0.2% |
| VHM | 93.5 | 31.3 | 1.1% |
| CTD | 121.7 | 21.5 | -0.1% |
| PTB | 65.8 | 21.2 | 0.6% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| CTD | 121.7 | 94.9 | -0.1% |
| AAA | 18.9 | 52.4 | 2.2% |
| VNM | 135.6 | 47.8 | 0.2% |
| SAB | 247.5 | 38.4 | 0.2% |
| VJC | 113.9 | 33.6 | 0.9% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VHM | 93.5 | 30.9 | 1.1% |
| GAS | 105.0 | 19.8 | -0.2% |
| VNM | 135.6 | 12.4 | 0.2% |
| VIC | 115.0 | 11.1 | 2.9% |
| PTB | 65.8 | 10.7 | 0.6% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC | 19.6 | 5.9 | 0.0% |
| DGC | 38.0 | 1.2 | 1.1% |
| PPS | 7.0 | 0.2 | 0.0% |
| DHT | 35.0 | 0.2 | -2.8% |
| ART | 3.2 | 0.2 | 0.0% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VDL | 25.0 | 0.3 | -7.4% |
| HDA | 9.9 | 0.2 | 1.0% |
| BVS | 12.6 | 0.1 | 0.8% |
| THB | 12.9 | 0.1 | -0.8% |
| PLC | 16.0 | 0.1 | 0.0% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC | 19.6 | 5.9 | 0.0% |
| DGC | 38.0 | 1.2 | 1.1% |
| PPS | 7.0 | 0.2 | 0.0% |
| DHT | 35.0 | 0.2 | -2.8% |
| ART | 3.2 | 0.2 | 0.0% |

Tin trong nước

3-5 ngân hàng lên sàn nước ngoài, tất cả đạt chuẩn Basel II năm 2025

Chiến lược phát triển ngành của Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu sẽ niêm yết 3-5 ngân hàng tại nước ngoài, 1-2 đơn vị lọt top 100 châu Á và tất cả ngân hàng đạt chuẩn Basel II phương pháp tiêu chuẩn vào 2025.

Mục tiêu đến năm 2020 có ít nhất 12-15 ngân hàng thương mại áp dụng thành công Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, có ít nhất 1-2 ngân hàng trong nhóm 100 ngân hàng lớn nhất châu Á về tổng tài sản.

Đồng thời, các ngân hàng cần nâng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập lên khoảng 12-13%. Hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán của các ngân hàng thương mại, nâng vốn pháp định với quỹ tín dụng nhân dân cũng là mục tiêu đặt ra.

Các tổ chức tín dụng cũng cần giảm tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho VAMC và nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ xuống dưới 3% (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém được Chính phủ phê duyệt phương án xử lý).

Giai đoạn 2021-2025, mục tiêu là nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt trong quản trị và trong hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Đến cuối 2025, ngành phấn đấu có ít nhất 2-3 ngân hàng trong top lớn nhất châu Á, 3-5 ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài.

Đề xuất nâng hệ số rủi ro gấp 3 lần với khoản vay có dư nợ trên 3 tỷ để siết vốn vào BĐS

Việc nâng hệ số rủi ro xuất phát từ chủ trương kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào lĩnh vực bất động sản (BDS) nhằm giảm hạn mức cho vay đối với các dự án BĐS cao cấp.

Điều chỉnh hệ số rủi ro với một số khoản phải đòi là một trong những điểm mới trong Dự thảo Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa ban hành.

Dự thảo này xác định hệ số rủi ro 50% với các khoản phải đòi được bảo đảm toàn bộ bằng nhà ở (bao gồm cả nhà ở hình thành trong tương lai), quyền sử dụng đất, công trình xây dựng gắn với quyền sử dụng đất của bên vay và đáp ứng một trong 3 điều kiện.

Đầu tiên là khoản cho vay để phục vụ hoạt động kinh doanh theo quy định của NHNN, quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thứ hai là khoản cho vay cá nhân để khách hàng mua nhà ở xã hội, mua nhà theo các chương trình, dự án hỗ trợ của Chính phủ. Thứ ba là khoản cho vay cá nhân để khách hàng mua nhà có giá trị dư nợ gốc dưới 1,5 tỷ đồng.

Các khoản phải đòi của cá nhân phục vụ nhu cầu đời sống mà dư nợ gốc của một khách hàng có giá trị từ 3 tỷ đồng trở lên thì hệ số rủi ro là 150%.

Hiện nay, theo quy định, các khoản phải đòi được bảo đảm toàn bộ bằng nhà ở (bao gồm cả nhà ở hình thành trong tương lai), quyền sử dụng đất, công trình xây dựng gắn với quyền sử dụng đất của bên vay đều có hệ số rủi ro là 50%.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vinamilk sở hữu gần 6 triệu cp, tiếp tục chào mua 49% GTNfoods

Vinamilk vẫn chào mua giá 13.000 đồng/cp, nhận hồ sơ đăng ký bán của nhà đầu tư từ 22/4 đến 22/5. Trong đợt chào mua lần này, Vinamilk bổ sung thêm tình hình hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của doanh nghiệp, tình hình tài chính của công ty.

CTCP Sữa Việt Nam (Vinamilk- HoSE: VNM) vừa thông tin về việc chào mua công khai cổ phiếu CTCP GTNfoods (HoSE: GTN). Theo đó, ngày 25/3, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được đầy đủ Hồ sơ đăng ký chào mua công khai cổ phiếu GTN.

Theo phương án, Vinamilk sẽ chào mua hơn 116,7 triệu cổ phiếu GTN để tăng sở hữu lên 122,5 triệu đơn vị, chiếm 49% vốn GTNfoods. Vinamilk hiện là cổ đông sở hữu 5,78 triệu cổ phiếu, tương ứng 2,32% cổ phần GTN.

Giá chào mua 13.000 đồng/cp. Thời hạn nhận hồ sơ đăng ký bán của nhà đầu tư từ 22/4 đến 22/5. Đơn vị thực hiện việc chào mua là Chứng khoán TP HCM (HSC), đơn vị đã mua hơn 18 triệu cổ phiếu GTN vào 28/3 để nắm 7,3% vốn công ty.

Thời hạn dự kiến hoàn tất việc chào mua công khai trong vòng 30 ngày kể từ ngày có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công ty công bố thông tin theo quy định.

Lợi nhuận quý I của TCM tăng 36%

Năm 2019, TCM đặt chỉ tiêu lợi nhuận ròng giảm 7% còn gần 242 tỷ đồng.

CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) thông báo doanh thu thuần trong tháng 3 đạt khoảng 14,2 triệu USD. Lợi nhuận sau thuế thu về 587.000 USD. Biên lợi nhuận tháng này không cao là do hầu hết các đơn hàng xuất trong tháng này đều được sản xuất trong tháng 2 (tháng Tết) với chi phí sản xuất cao làm cho lợi nhuận giảm.

Lũy kế quý I/2019, doanh thu TCM đạt khoảng 41,1 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế lũy kế đạt khoảng 2,82 triệu USD, tăng 36% so với quý I/2018 (khoảng 65 tỷ đồng).

Mới đây, TCM đã thông qua chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 với kế hoạch doanh thu là 3.953 tỷ đồng, tăng trưởng 8%. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận ròng lại giảm 7% còn gần 242 tỷ đồng.

Về phương án phân phối lợi nhuận, TCM sẽ chia cổ tức tỷ lệ 12% cho năm 2018. Trong đó, công ty đã tạm ứng cổ tức tiền mặt tỷ lệ 5% vào ngày 19/3. Còn lại TCM sẽ phát hành 3,8 triệu cổ phiếu để chi trả cổ tức tỷ lệ 7%, qua đó tăng vốn điều lệ lên 580 tỷ đồng.

Viettel Post đặt kế hoạch lợi nhuận 2019 hơn 380 tỷ đồng, tăng hơn 36%

Theo tài liệu ĐHCĐ của Tổng CTCP Bưu chính Viettel – Viettel Post (UPCoM: VTP), kế hoạch tổng doanh thu năm 2019 đạt 6.723 tỷ đồng, tăng 36,58% so với thực hiện năm 2018. Lợi nhuận sau thuế tăng 36,27% và đạt 380,23 tỷ đồng. Tổng tài sản kế hoạch đạt 3.804,9 tỷ đồng, tăng 34,25%.

Giai đoạn 2014 - 2019, VTP đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh ĐHCĐ thông qua hàng năm. Trong đó, doanh thu năm 2018 cao gấp 3,7 lần so với 2014 và tăng trưởng trung bình 38,3%/năm. Doanh thu bán hàng năm 2018 gấp 5,2 lần so với 2014 và tăng trưởng trung bình 51%/năm.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 cao gấp 6,7 lần so với 2014, tăng trưởng trung bình 60,7%/năm. Lợi nhuận sau thuế cũng cao gấp 7,1 lần 2014, tăng trưởng trung bình 63,3%/năm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--------------------|
| 1 | KDC | Cắt lỗ | 12/4/2019 | 21.3 | 22.0 | -3.4% | 24.0 | 9.1% | 21.3 | -3.2% | Chạm ngưỡng cắt lỗ |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--------------------------|
| 1 | VEA | Mua | 6/3/2019 | 49.90 | 50.00 | -0.2% | 55.7 | 11% | 49.1 | -2% | |
| 2 | KDH | Mua | 20/3/2019 | 31.05 | 31.50 | -1.4% | 33.5 | 6% | 30.6 | -3% | |
| 3 | AAA | Nắm giữ | 28/3/2019 | 18.90 | 16.30 | 16.0% | 20.0 | 23% | 15.6 | -4% | Nâng giá mục tiêu lên 20 |
| 4 | NDN | Mua | 29/3/2019 | 13.80 | 13.20 | 4.5% | 14.5 | 10% | 12.6 | -5% | |
| 5 | HII | Mua | 1/4/2019 | 14.90 | 14.90 | 0.0% | 16.2 | 9% | 14.5 | -3% | |
| 6 | CSV | Mua | 2/4/2019 | 30.75 | 31.20 | -1.4% | 33.0 | 6% | 30.5 | -2% | |
| 7 | VNM | Mua | 2/4/2019 | 135.60 | 138.60 | -2.2% | 152.0 | 10% | 134.8 | -3% | |
| 8 | MSH | Nắm giữ | 4/4/2019 | 57.00 | 52.90 | 7.8% | 62.0 | 17% | 50.0 | -5% | Nâng giá mục tiêu lên 62 |
| 9 | GIL | Mua | 5/4/2019 | 38.15 | 38.50 | -0.9% | 41.0 | 6% | 37.2 | -3% | |
| 10 | CTI | Mua | 8/4/2019 | 25.00 | 25.30 | -1.2% | 27.0 | 7% | 25.0 | -1% | |
| 11 | VNM | Mua | 2/4/2019 | 135.60 | 138.60 | -2.2% | 152.0 | 10% | 134.8 | -3% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018/19E (tỷ) | EPS 2018/19E | BV 2018/19E | ROE 2018/19E | ROA 2018/19E | PE 2018/19E | PB 2018/19E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|-------------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|------------------|
| POW (New) | HOSE | 15,050 | 19,100 | 13/03/2019 | 2,133 | 911 | 10,685 | 9% | 4% | 21.0 | 1.8 | 7% |
| CTD (New) | HOSE | 121,700 | 157,632 | 25/01/2019 | 1,608 | 21,302 | 117,140 | 19% | 9% | 7.4 | 1.3 | 50% |
| BMP (New) | HOSE | 48,300 | 75,200 | 09/01/2019 | 499 | 6,090 | 33,553 | 19% | 16% | 12.4 | 2.2 | 40% |
| CTI (New) | HOSE | 25,000 | 30,370 | 24/12/2018 | 139 | 1,789 | 23,470 | 10% | 3% | 16.9 | 1.3 | 10% |
| QNS | HOSE | 42,400 | 47,753 | 21/12/2018 | 1,097 | 3,751 | 16,965 | 23% | 15% | 12.7 | 2.8 | 15% |
| ANV | HOSE | 26,600 | 42,824 | 12/12/2018 | 588 | 3,890 | 14,795 | 38% | 18% | 12.0 | 2.9 | 20% |
| LHG | HOSE | 19,950 | 27,200 | 05/12/2018 | 182 | 3,643 | 23,964 | 16% | 9% | 7.5 | 1.1 | 15% |
| GIL | HOSE | 38,150 | 47,122 | 04/12/2018 | 176 | 9,237 | 38,783 | 27% | 11% | 5.1 | 1.2 | 30% |
| NTC | UPCOM | 113,600 | 91,800 | 04/12/2018 | 440 | 27,497 | 34,719 | 94% | 14% | 7.1 | 3.2 | 60% |
| ACB | HNX | 30,300 | 37,400 | 29/11/2018 | 5,349 | 4,289 | 17,477 | 28% | 2% | 8.7 | 2.1 | 15% |
| DVP | HOSE | 38,300 | 66,000 | 28/11/2018 | 326 | 6,879 | 28,359 | 26% | 23% | 9.6 | 2.3 | 45% |
| HVN | UPCOM | 39,100 | 36,000 | 14/11/2018 | 2,145 | 1,512 | 13,897 | 12% | 2% | 21.8 | 2.4 | 8% |
| KDH | HOSE | 31,050 | 32,900 | 14/11/2018 | 671 | 1,736 | 15,050 | 11% | 7% | 18.9 | 2.1 | 5% |
| TNG | HNX | 23,500 | 22,705 | 05/11/2018 | 175 | 3,548 | 15,909 | 25% | 7% | 6.4 | 1.4 | 20% |
| TCM | HOSE | 32,100 | 29,986 | 05/11/2018 | 241 | 4,436 | 32,810 | 21% | 7% | 6.8 | 0.9 | 10% |
| VJC | HOSE | 113,900 | 104,300 | 05/11/2018 | 5,810 | 10,727 | 42,703 | 46% | 18% | 12.5 | 3.9 | 40% |
| FPT | HOSE | 47,000 | 57,500 | 17/10/2018 | 3,533 | 5,124 | 19,748 | 28% | 14% | 10.0 | 2.9 | 25% |
| REE | HOSE | 31,800 | 44,300 | 15/10/2018 | 1,609 | 5,190 | 29,499 | 19% | 11% | 7.7 | 1.3 | 16% |
| TCB | HOSE | 25,100 | 33,200 | 11/10/2018 | 7,894 | 2,258 | 15,417 | 20% | 3% | 14.7 | 2.2 | N/A |
| MWG | HOSE | 82,500 | 142,833 | 10/10/2018 | 2,962 | 9,166 | 56,429 | 47% | 11% | 15.6 | 2.5 | 15% |
| VNM | HOSE | 135,600 | 160,172 | 27/09/2018 | 11,192 | 6,427 | 20,487 | 44% | 31% | 24.9 | 7.8 | 50% |
| VCB | HOSE | 68,500 | 67,701 | 26/09/2018 | 13,859 | 3,852 | 18,162 | 23% | 1% | 16.7 | 3.6 | 108% |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.